

Số: 131/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 372/BC-KTNS ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tên tuyến đường thuộc Bảng 5.1 - Thành phố Sơn La ban hành kèm Nghị quyết số 173/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (Biểu số 01 kèm theo Phụ lục số 01); Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.1. Thành phố Sơn La (Biểu số 02 kèm theo Phụ lục số 01).

2. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.7 - Huyện Mai Sơn ban hành kèm Nghị quyết số 173/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (Phụ lục số 02).

3. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.8 - Huyện Yên Châu ban hành kèm Nghị quyết số 173/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (Phụ lục số 03) ✓

4. Điều chỉnh tên tuyến đường thuộc Bảng 5.12 huyện Phù Yên ban hành kèm Nghị quyết số 173/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (Phụ lục số 04).

5. Các nội khác giữa nguyên theo Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2024.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, Kỳ họp chuyên đề lần thứ chín thông qua ngày 08 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Công báo tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thái Hưng**





**PHỤ LỤC 01**

**BIỂU 01: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC BẢNG 5.1 - THÀNH PHỐ SƠN LA**

(Kèm theo Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND tỉnh Sơn La)

*ĐVT: 1000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>					
<b>1</b>	<b>Khu quy hoạch dân cư hạ tầng 1A</b>					
-	Tuyến đường rộng 31m	13.500	10.000			
-	Tuyến đường rộng 18,5m	11.700	9.000			
-	Tuyến đường rộng 13m đến 15m	10.400	8.620			
-	Tuyến đường rộng 10m đến 11,5m	9.200	7.200			
-	Tuyến đường rộng 7,5m đến 9,5m	7.800	5.800			

*S*



**PHỤ LỤC 01**

**BIỂU 02: ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC BẢNG 5.1 - THÀNH PHỐ SƠN LA**

*(Kèm theo Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND tỉnh Sơn La)*

STT	Tên trước điều chỉnh	Tên sau điều chỉnh
A	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>	
21	<b>Phố Xuân Thủy</b>	
-	Từ hết nhà văn hóa tổ 10 phường Chiềng Lê đến ngõ số 4	Từ hết nhà văn hóa tổ 10 phường Chiềng Lê đến ngõ số 28
-	Đoạn từ ngã ba giao giữa đường phố Xuân Thủy với ngõ số 04 đến hết tuyến đường phố Xuân Thủy	Đoạn từ ngã ba giao giữa đường phố Xuân Thủy với ngõ số 28 đến hết tuyến đường phố Xuân Thủy

*Se*



PHỤ LỤC: 02

**BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC BẢNG 5.7 - HUYỆN MAI SƠN**

(Kèm theo Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
<b>A</b>	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>					
1	Các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư tiểu khu 17, thị trấn Hát Lót (trừ đường Tôn Thất Tùng đoạn từ ngã ba viện Lao + 20m đến hết ranh giới Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn +100m)	2.970				
2	Các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư tiểu khu 5, thị trấn Hát Lót (trừ Đường 20-8 đoạn từ Km 274 + 300 đến Km 275 + 300 đầu cầu mới rẽ đi Nhà văn hóa thiếu nhi và Phố Trần Quốc Hoàn đoạn từ Km 275 + 150 (cổng Kho bạc) đến đầu cầu Trạm bơm nước Nhà máy đường)	4.730				
3	Tuyến đường nhựa từ đường Quốc lộ 6 + 100m đi bản Nà Sắng, xã Hát Lót	500	300	230	150	100
-	Đoạn từ Quốc lộ 6 +100 m đến Quốc lộ 6 + 400 m (hết địa phận thị trấn Hát Lót)	800	600	400	300	200
4	Các tuyến đường nhựa còn lại khu vực đô thị	1.000	800	500	400	200
<b>B</b>	<b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN</b>					
1	Các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư bản Mu Kít, xã Cò Nòi	1.598				
2	Các đường trong quy hoạch giai đoạn 1 khu đô thị mới ngã ba xã Cò Nòi: Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 16,5m (Lô 7A)	2.400				
3	Đường qua điểm dân cư nông thôn chính trang tiểu khu 1, xã Cò Nòi (khu gốc địa)	2.400				
4	Tuyến đường nhựa từ đường Quốc lộ 6 + 100m đi bản Nà Sắng, xã Hát Lót					
-	Đoạn từ Quốc lộ 6 + 400 m đến bản Nà Sắng (hết tuyến đường nhựa) giá đất	500	300	230	150	100
5	Các tuyến đường nhựa còn lại khu vực nông thôn	500	300	230	150	100

8/





PHỤ LỤC: 03

**BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC BẢNG 5.8 - HUYỆN YÊN CHÂU**

(Kèm theo Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
<b>B</b>	<b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN</b>					
<b>B1</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐÀU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH</b>					
1	Tuyến đường dọc kè Suối huyện Yên Châu					
-	Từ đầu cầu Chiềng Khoi (Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu) đến bản Mường Vạt, xã Viêng Lán	1.350	810	610	410	270
<b>B2</b>	<b>ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ</b>					
1	Tuyến đường Chiềng Khoi - Phiêng Khoài					
-	Từ đầu cầu Chiềng Khoi (Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu) đến bản Tam Thanh, xã Phiêng Khoài	300	180	140	90	60
2	Tuyến đường Mường Lựm, Yên Châu - Tân Lập, Mộc Châu					
-	Từ xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu đến địa phận huyện Yên Châu	180	140	110	90	70
3	Trung tâm xã Mường Lựm					
-	Từ đầu đập hồ mường lựm tới UBND xã cũ	300	180	140	90	60
4	Trung tâm xã Chiềng Tương					
-	Từ UBND xã cũ cách 500m hướng về đồn biên phòng 465 tới qua ngã 3 rẽ vào UBND xã mới 200m	240	190	140	120	100



PHỤ LỤC: 04

**ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC BẢNG 5.12 - HUYỆN PHÙ YÊN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND tỉnh Sơn La)*

STT	Tên trước điều chỉnh	Tên sau điều chỉnh
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
B2	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ	
XIII	Xã Trường Phú	
3	Từ tiếp giáp xã Huy Hạ đi hết khu dân cư bản Đông (dọc theo đường QL 37)	Từ tiếp giáp xã Huy Hạ đi đến Suối Khùm bản Đông

6